

THƯ MỤC

TẠP CHÍ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VIỆT NAM SỐ 8 NĂM 2017

Trung tâm Thông tin Thư viện trân trọng giới thiệu Thư mục Tạp chí Khoa học công nghệ Việt Nam số 8 năm 2017.

1. Tán sỏi thận qua da bằng đường hầm nhỏ (mini-PCNL): Nghiên cứu tại hai bệnh viện tuyến tỉnh/ Trương Thanh Tùng, Lê Huy Ngọc, Lê Ngọc Bằng, Hồ Trường Thắng// Tạp chí Khoa học công nghệ Việt Nam .- Số 8/2017 .- Tr. 1 – 5

Tóm tắt: Mục tiêu nghiên cứu là đánh giá kết quả và đưa ra một số nhận xét về tán sỏi qua da bằng đường hầm nhỏ điều trị sỏi thận tại hai bệnh viện tuyến tỉnh: Thanh Hóa và Nghệ An. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu bao gồm 45 bệnh nhân (tuổi trung bình 50,9, tỷ lệ nam/nữ = 1,25) được tán sỏi qua da bằng đường hầm nhỏ điều trị sỏi thận tại các bệnh viện nêu trên từ tháng 1/2016 đến tháng 1/2017. Kết quả sỏi bể thận đơn thuần hay sỏi bể thận có nhánh ở nhóm đài dưới chiếm 82,2%. Kích thước sỏi trung bình 1,8 cm. Tỷ lệ thành công 95,6%, tỷ lệ sạch sỏi 80%, chọc dò đài thận dưới hướng dẫn của D-arm 29 trường hợp (TH), siêu âm 16 TH. Chọc dò vào nhóm đài trên 12 TH, nhóm đài giữa 8 TH, nhóm đài dưới 25 TH. Thời gian mổ trung bình 91,4 phút. Thời gian nằm viện trung bình 6,4 ngày. Biến chứng sau mổ 11,1%. Chuyển mổ mở 4,4%. Qua nghiên cứu có thể kết luận: Tán sỏi thận qua da bằng đường hầm nhỏ là một phương pháp điều trị sỏi thận ít xâm lấn, an toàn, hiệu quả, phù hợp với những TH sỏi thận ≤ 2 cm và có thể áp dụng được ở các bệnh viện tuyến tỉnh.

Từ khóa: Lấy sỏi thận qua da; Sỏi thận

2. Nghiên cứu các yếu tố tiên lượng bệnh nhân chảy máu não điều trị tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Hà Nam/ Lê Quang Minh// Tạp chí Khoa học công nghệ Việt Nam .- Số 8/2017 .- Tr. 6 – 10

Tóm tắt: Mục tiêu của nghiên cứu là các yếu tố tiên lượng bệnh nhân chảy máu não (CMN) điều trị tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Hà Nam. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu: 98 bệnh nhân CMN trên lều điều trị nội trú tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Hà Nam trong khoảng thời gian từ tháng 1/2014 đến tháng 9/2015.

Từ khóa: Chảy máu não; Tử vong

3. Phát hiện gen và đột biến kháng erythromycin ở các chủng Streptococcus pneumoniae/ Lê Văn Duyệt, Trần Thị Giáng Hương, Nguyễn Vũ Trung// Tạp chí Khoa học công nghệ Việt Nam .- Số 8/2017 .- Tr. 11 – 18

Tóm tắt: *Streptococcus pneumoniae* là căn nguyên thường gặp gây nhiễm trùng đường hô hấp cấp, đặc biệt ở trẻ em và người già. Erythromycin là kháng sinh được lựa chọn trong điều trị các trường hợp nhiễm trùng đường hô hấp cấp. Nghiên cứu nhằm phát hiện gen và đột biến liên quan đến kháng erythromycin ở các chủng *S. pneumoniae*. Kết quả cho thấy, sự xuất hiện gen *erm(A)*, gen *mef(A/E)*, gen *msr(D)* và đột biến trên vùng II thuộc gen 23S rRNA, 23S rRNA domain V1, V2, gen L4 ribosome. Các đột biến có liên quan đến mức độ kháng erythromycin của các chủng *S. pneumoniae*. Đây là nghiên cứu đầu tiên của Việt Nam về vấn đề này.

Từ khóa: Erythromycin; *Streptococcus pneumoniae*

4. Đánh giá sự di chuyển đạm và hiệu quả sử dụng phân urê trên cây cao su bằng kỹ thuật đánh dấu đồng vị ^{15}N / Đoàn Phạm Ngọc Nga, Hà Thị Ngọc Trinh, Nguyễn Ngọc Chí Nhân// Tạp chí Khoa học công nghệ Việt Nam .- Số 8/2017 .- Tr. 19 – 22

Tóm tắt: Nghiên cứu về di chuyển và hiệu suất sử dụng đạm (N) từ phân urê có ý nghĩa quan trọng đối với cây cao su non. Chế độ bón N hợp lý sẽ góp phần đặc biệt quan trọng giúp cây sinh trưởng phát triển tốt và vì vậy rút ngắn thời gian kiến thiết cơ bản. Kết quả nghiên cứu sử dụng kỹ thuật đánh dấu đồng vị ^{15}N với hàm lượng 10,16% ^{15}N được bố trí ở các mức bón 1 gN/chậu, 2 gN/chậu và 3 gN/chậu cho thấy cây cao su PB260 1 năm tuổi hấp thụ urê- ^{15}N tăng dần theo thời gian sinh trưởng. ^{15}N hấp thụ từ phân urê- ^{15}N cao nhất ở 60 ngày sau bón (NSB), sau đó giảm dần ở 90 NSB. Hiệu suất sử dụng phân urê của lá luôn cao hơn rễ hoặc thân ở tất cả 3 mức bón phân urê- ^{15}N . Mức bón 1 gN/chậu là mức bón cho hiệu quả sử dụng phân cao nhất là 38,46% ở 60 NSB.

Từ khóa: Cao su; Hiệu quả sử dụng phân urê; ^{15}N ; PB260

5. Nghiên cứu khả năng sản xuất chất xanh và bột cỏ của cỏ *Stylosanthes guianensis* CIAT 184 trồng tại Thái Nguyên/ Từ Quang Hiền, Trần Thị Hoan, Từ Quang Trung// Tạp chí Khoa học công nghệ Việt Nam .- Số 8/2017 .- Tr. 23 – 27

Tóm tắt: Mục đích của thí nghiệm là nghiên cứu khả năng sản xuất chất xanh và bột cỏ của cỏ *Stylosanthes guianensis* CIAT 184 trồng tại Thái Nguyên. Cỏ được trồng trên đất bãi với diện tích 500 m² (100 m² x 5 lần nhắc lại), theo dõi về sinh trưởng, tái sinh, năng suất sản xuất chất xanh và bột cỏ trong vòng 2 năm. Kết quả cho thấy: Cỏ sinh trưởng, tái sinh tốt, sản lượng thân non và lá (đã cắt bỏ phần thân già) sử dụng cho sản xuất bột cỏ đạt 80,653 tấn/ha/2 năm, sản lượng bột cỏ đạt 17,26 tấn/ha/2 năm, chi phí cho sản xuất 1 kg bột cỏ là 5.350 đồng. Trồng cỏ *S. guianensis* CIAT 184 để sản xuất bột cỏ trên đất bãi của tỉnh Thái Nguyên có triển vọng tốt.

Từ khóa: Chất xanh; Bột cỏ; Cỏ *Stylosanthes guianensis* CIAT 184

6. Đặc điểm dinh dưỡng của cá Ngạnh (*Cranoglanis boudierius* Richardson, 1846)/ Nguyễn Đình Vinh, Nguyễn Hữu Dực, Nguyễn Kiêm Sơn, Trần Thị Kim Ngân// Tạp chí Khoa học công nghệ Việt Nam .- Số 8/2017 .- Tr. 28 – 32

Tóm tắt: Nghiên cứu đặc điểm dinh dưỡng của cá Ngạnh (*Cranoglanis boudierius* Richardson, 1846) ở Nghệ An cho một số kết quả như sau: i) Cấu tạo cơ quan tiêu hóa của cá Ngạnh: Miệng ở dưới, hình vòng cung, hàm trên dài hơn hàm dưới. Răng hàm dạng lông nhung, cong, thon dài co lại phía sau và bị ngắt quãng ở giữa; răng cửa hàm trên rộng, yếu, hình chữ nhật cong, ngắt quãng ở giữa. Thực quản ngắn, có vách dày, mặt trong thực quản có nhiều nếp gấp nên co giãn được, do đó cá có thể nuốt được mồi lớn. Dạ dày có hình chữ J, to, vách dày, mặt trong có nhiều nếp gấp nên có thể giãn nở và lực co bóp rất lớn. Ruột cá Ngạnh gấp khúc, ngắn, vách tương đối dày; ii) Đặc điểm dinh dưỡng của cá Ngạnh: Đây là một đối tượng ăn tạp, độ no các bậc 1, 2 và 3 với số lần bắt gặp tương đối đều. Tỷ lệ chiều dài ruột so với chiều dài thân cá có giá trị trung bình là 1,23.

Từ khóa: Cá Ngạnh; Đặc điểm dinh dưỡng; Hệ tiêu hóa

7. Nghiên cứu sự nhiễm vi rút đốm trắng (WSSV) ở tôm càng (*Macrobrachium nipponense*) và khả năng lan truyền bệnh sang tôm thẻ chân trắng (*Litopenaeus vannamei*)/ Trương Thị Mỹ Hạnh, Phạm Thế Việetjm Phan Trọng Bình, Huỳnh Thị Mỹ Lệ, Phan Thị Vân// Tạp chí Khoa học công nghệ Việt Nam .- Số 8/2017 .- Tr. 33 – 38

Tóm tắt: Vi rút đốm trắng (WSSV) là tác nhân gây bệnh ảnh hưởng nghiêm trọng đến sản lượng tôm nuôi. Mục đích chính của nghiên cứu nhằm xác định tôm càng (*Macrobrachium nipponense*) có phải là vector lan truyền bệnh đốm trắng ở tôm hay không. Kết quả nghiên cứu cho thấy, tôm càng (*M. nipponense*) thu được trong ao nuôi tôm thẻ chân trắng (*Litopenaeus vannamei*) bị bệnh đốm trắng có kết quả dương tính với WSSV khi xác định bằng phương pháp phân tích PCR. Trong thí nghiệm sử dụng phương pháp ngâm tôm càng trong môi trường nuôi chứa WSSV khoảng 120 phút, tôm đã bị nhiễm WSSV. WSSV lan truyền từ tôm càng sang tôm thẻ chân trắng 5 ngày sau khi chúng được nuôi nhốt trong cùng điều kiện môi trường. Điều này cho thấy, tôm càng là vector mang WSSV và là nguồn lây nhiễm WSSV lên tôm nuôi trong ao.

Từ khóa: *Macrobrachium nipponense*. Tôm càng; WSSV

8. Chuyển gen *ZmDEF1* nhờ *Agrobacterium tumefaciens* vào giống thuốc lá (*Nicotiana tabacum* L.) C9-1/ Vi Thị Xuân Thủy, Bùi Thị Minh Thúy, Hoàng Thị Huệ Khang, Chu Hoàng Mậu// Tạp chí Khoa học công nghệ Việt Nam .- Số 8/2017 .- Tr. 39 – 42

Tóm tắt: Defensin thực vật là protein đa chức năng, một trong các chứng năng quan trọng là ức chế hoạt động của α -amylase từ ruột côn trùng dựa trên đặc tính này, nhiều tác

giả đã nghiên cứu sử dụng defensin thực vật để bảo vệ cây trồng chống lại một hại hạt trong công nghệ bảo quản sau thu hoạch. Gen defensin 1 (ZmDEF1) phân lập từ giống ngô địa phương Mai Sơn (Sơn La) – giống có khả năng kháng một ngô cao được sử dụng làm gen chuyển trong thí nghiệm tạo cây thuốc lá chuyển gen từ giống C9-1. Kết quả cho thấy, biến nạp cấu trúc pBectaPhaso- ZmDEF1 vào 60 mảnh lá của giống thuốc lá C9-1 trong 3 lần thí nghiệm thu được 56 mảnh sống sót, tạo được 69 chồi, chuyển được 12 cây chuyển gen ra trồng trong bầu đất và có 6 cây trồng tại nhà lưới sinh trưởng, phát triển bình thường, biểu hiện xanh tốt, mập mạp. Kiểm tra sự có mặt của gen chuyển ZmDEF1 ở các dòng thuốc lá chuyển gen bằng phản ứng PCR thu được 5/6 dòng cây chuyển gen chứa gen chuyển ZmDEF1, hiệu suất chuyển gen đạt 8,33%. Kết quả này là cơ sở để tiến hành thí nghiệm chuyển gen ZmDEF1 ở ngô nhằm tạo các dòng ngô chuyển gen có khả năng kháng một cao.

Từ khóa: Chuyển gen; Defensin; Kháng một;Ức chế α -amylase; ZmDEF1

9. Hành vi của người tiêu dùng Việt Nam và mức độ sẵn lòng chi trả cho rau an toàn trong điều kiện thông tin bất đối xứng – Nghiên cứu cho trường hợp Hà Nội/ Nguyễn Thị Minh, Lê Thị Anh, Nguyễn Thanh Huệ// Tạp chí Khoa học công nghệ Việt Nam .- Số 8/2017 .- Tr. 43 – 47

Tóm tắt: Bài viết nghiên cứu về hành vi của người tiêu dùng trên thị trường rau an toàn Việt Nam, trong đó tập trung ở địa bàn Hà Nội. Vấn đề đáng quan tâm được đặt ra là: Người tiêu dùng dựa trên tiêu chí nào để xét đoán về sự an toàn của rau và những yếu tố nào tác động đến mức độ sẵn lòng chi trả nếu rau là thực phẩm an toàn. Các phân tích thống kê và định lượng, trong đó có mô hình hồi quy theo khoảng, được áp dụng trên số liệu điều tra đã cho thấy, người tiêu dùng chủ yếu đặt niềm tin vào các yếu tố mang tính cảm nhận như “uy tín cửa hàng”, “có nhãn mác”, còn yếu tố chính thống như “có giấy chứng nhận của cơ quan nhà nước” lại không được tin cậy. Ngoài ra, mức độ sẵn lòng chi trả phụ thuộc vào các yếu tố như: Sự lo lắng về độ an toàn, thu nhập; tuy nhiên không có bằng chứng cho thấy trình độ học vấn hay giới tính có quan hệ với mức độ sẵn lòng chi trả cho rau an toàn của người dân.

Từ khóa: Hồi quy khoảng; Thị trường rau an toàn; Thông tin bất đối xứng

10. Bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng: Phân tích từ góc độ pháp luật cạnh tranh/ Đào Ngọc Báu// Tạp chí Khoa học công nghệ Việt Nam .- Số 8/2017 .- Tr. 48 – 52

Tóm tắt: Quy định về bồi thường thiệt hại trong pháp luật cạnh tranh của Việt Nam hiện nay giống như quy định đối với các hình thức bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng khác, với nguyên tắc cơ bản được sử dụng là bồi thường ngang bằng. Cơ chế bồi thường này đã không tính đến những đặc thù của các vụ kiện cạnh tranh, vì thế không thể khuyến khích các bên đương sự khởi kiện dân sự để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Từ

việc phân tích thực tế và tham khảo kinh nghiệm nước ngoài, bài viết đề xuất Luật Cạnh tranh nên quy định bồi thường thiệt hại theo hướng vừa có tính bù đắp tổn thất, vừa có tính trừng phạt.

Từ khóa: Bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng; Cạnh tranh; Trách nhiệm dân sự

11. Thực hiện phân phối sản phẩm công bằng ở Việt Nam hiện nay: Thực trạng và giải pháp/ Nguyễn Đức Luận// Tạp chí Khoa học công nghệ Việt Nam .- Số 8/2017 .- Tr. 53 – 58

Tóm tắt: Phân phối sản phẩm công bằng vừa là mục tiêu vừa là động lực trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội. Theo quan điểm của các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác – Lênin, để đảm bảo sự công bằng trong phân phối sản phẩm thì cần phải thực hiện nguyên tắc phân phối theo lao động. Tuy nhiên, lý luận của chủ nghĩa Mác – Lênin về phân phối sản phẩm công bằng cũng còn bỏ ngỏ nhiều vấn đề, đòi hỏi phải tiếp tục có sự bổ sung, phát triển. Ở Việt Nam, trong những năm thực hiện đường lối đổi mới, Đảng ta đã vận dụng, phát triển sáng tạo lý luận của chủ nghĩa Mác – Lênin về phân phối sản phẩm công bằng, nhờ đó mà phân phối sản phẩm công bằng đã đạt được nhiều thành tựu cả trên phương diện lý luận và thực tiễn. Tuy nhiên, việc thực hiện phân phối sản phẩm công bằng ở nước ta trong những năm qua cũng bộc lộ không ít hạn chế, đòi hỏi phải có những giải pháp khắc phục kịp thời.

Từ khóa: Công bằng; Công bằng xã hội; Đường lối đổi mới; Phân phối sản phẩm; Phân phối sản phẩm công bằng

12. Dấu ấn văn hóa tiền sử hang động miền núi biên giới Nghệ An/ Nguyễn Khắc Sửu// Tạp chí Khoa học công nghệ Việt Nam .- Số 8/2017 .- Tr. 59 – 64

Tóm tắt: Miền núi biên giới Nghệ An là nơi tập trung nhiều di tích tiền sử hang động, chứng kiến sự chiếm cư sớm của con người từ khoảng 60.000 năm trước (BP). Đây cũng là địa bàn nảy sinh một số di tích hậu kỳ Đá cũ, sơ kỳ Đá mới, tham góp vào sự hình thành các văn hóa trung kỳ Đá mới ở Việt Nam như: Đa Bút, Quỳnh Văn và hậu kỳ Đá mới – văn hóa Bàu Tró. Sau 7.000 năm, ở vùng núi Nghệ An, dân cư cổ vẫn bảo lưu truyền thống văn hóa Hòa Bình cư trú trong hang, săn bắt, hái lượm, đặc biệt là các loài nhiên thể nước ngọt. Vào giai đoạn sơ kỳ Kim khí, một số cư dân đã rời hang, vươn ra chiếm lĩnh thêm cổ sông Lam, thực thi các hoạt động nông nghiệp cố định, đóng góp vào quá trình giao lưu, hội nhập và tiếp biến văn hóa Tiền Đông Sơn ở Bắc Trung Bộ Việt Nam.

Từ khóa: Đá cũ; Đá mới; Hang động tiền sử; Hái lượm; Hóa thạch người; Kim khí

Trung tâm Thông tin Thư viện